

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ chi tiết vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-BKHĐT ngày 25/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ văn bản số 37/HĐND ngày 25/02/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thống nhất danh mục phân bổ chi tiết vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 80/TTr-KHĐT/KTN ngày 17/02/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư: 65.000 triệu đồng (sáu mươi lăm tỷ đồng).
2. Chi tiết danh mục và mức vốn phân bổ: theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Căn cứ kế hoạch nêu tại Điều 1 Quyết định này hướng dẫn, đôn đốc địa phương, chủ đầu tư và đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

2. Phối hợp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh tổng hợp và gửi báo cáo hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) và báo cáo năm về tình hình thực hiện, giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm

2014 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, Chủ đầu tư các dự án nêu tại Điều 1 và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *ys*

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KH, TC, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

PHỤ LỤC

DANH MỤC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2014 NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Ban hành kèm theo Quyết định số 359 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DANH MỤC	Xã ĐBKK và xã thuộc huyện nghèo 30a	Các xã đạt 13 tiêu chí trở lên	Xã điểm theo chỉ đạo của TW	Kế hoạch vốn đầu tư hạ tầng	Chủ đầu tư
I	Huyện Lạc Dương	3	1		4.500	
1	Xã Đa Chai	X			1.180	UBND xã
2	Xã Đung K'nó	X			1.180	UBND xã
3	Xã Lát	X			1.180	UBND xã
4	Xã Đa Nhim		X		960	UBND xã
II	Huyện Đơn Dương	3	4		7.380	
5	Xã Prôh	X			1.180	UBND xã
6	Xã Đa Ròn	X			1.180	UBND xã
7	Xã Ka Đơn	X			1.180	UBND xã
8	Xã Ka Đô		X		960	UBND xã
9	Xã Quảng Lập		X		960	UBND xã
10	Xã Lạc Lâm		X		960	UBND xã
11	Xã Lạc Xuân		X		960	UBND xã
III	Huyện Đức Trọng	4	3	1	8.780	
12	Xã Tà Hine	X			1.180	UBND xã
13	Xã Đa Quyn	X			1.180	UBND xã
14	Xã N'Thôn Hạ	X			1.180	UBND xã
15	Xã Tà Năng	X			1.180	UBND xã
16	Xã Tân Hội			X	1.180	UBND xã
17	Xã Bình Thạnh		X		960	UBND xã
18	Xã Liên Hiệp		X		960	UBND xã
19	Xã Ninh Loan		X		960	UBND xã
IV	Huyện Lâm Hà	2	2		4.280	
20	Xã Đan Phượng	X			1.180	UBND xã
21	Xã Tân Thanh	X			1.180	UBND xã
22	Xã Đông Thanh		X		960	UBND xã
23	Xã Tân Văn		X		960	UBND xã
V	Huyện Đam Rông	8			9.440	
24	Xã Đa M'rông	X			1.180	UBND xã
25	Xã Đa Tông	X			1.180	UBND xã
26	Xã Đa Long	X			1.180	UBND xã
27	Xã Rô Men	X			1.180	UBND xã
28	Xã Liêng S'rol	X			1.180	UBND xã
29	Xã Phi Liêng	X			1.180	UBND xã
30	Xã Đa K'Nàng	X			1.180	UBND xã
31	Xã Đa Sal	X			1.180	UBND xã
VI	Huyện Di Linh	2	1		3.320	
32	Xã Sơn Điền	X			1.180	UBND xã

33	Gia Bắc	X			1.180	UBND xã
34	Xã Tân Châu		X		960	UBND xã
VII	Huyện Bảo Lâm	6	1		8.040	
35	Xã Lộc Bắc	X			1.180	UBND xã
36	Xã Lộc Bảo	X			1.180	UBND xã
37	Xã Lộc Phú	X			1.180	UBND xã
38	Xã B'Lá	X			1.180	UBND xã
39	Xã Lộc Lâm	X			1.180	UBND xã
40	Xã Lộc Nam	X			1.180	UBND xã
41	Xã Lộc An		X		960	UBND xã
VIII	Huyện Đạ Huoai	3	1		4.500	
42	Xã Đạ Ploa	X			1.180	UBND xã
43	Xã Đoàn Kết	X			1.180	UBND xã
44	Xã Phước Lộc	X			1.180	UBND xã
45	Xã Đạ Oai		X		960	UBND xã
IX	Huyện Đạ Tẻh	3	1		4.500	
46	Xã Đạ Pal	X			1.180	UBND xã
47	Xã Quảng Trị	X			1.180	UBND xã
48	Xã Hương Lâm	X			1.180	UBND xã
49	Xã An Nhơn		X		960	UBND xã
X	Huyện Cát Tiên	3	1		4.500	
50	Xã Nam Ninh	X			1.180	UBND xã
51	Xã Mỹ Lâm	X			1.180	UBND xã
52	Xã Đồng Nai Thượng	X			1.180	UBND xã
53	Xã Phù Mỹ		X		960	UBND xã
XI	Thành phố Đà Lạt	0	4		3.840	
54	Xã Xuân Trường		X		960	UBND xã
55	Xã Xuân Thọ		X		960	UBND xã
56	Xã Tà Nung		X		960	UBND xã
57	Xã Trạm Hành		X		960	UBND xã
XII	Thành phố Bảo Lộc		2		1.920	
58	Xã Đạm Bri		X		960	UBND xã
59	Xã Lộc Thanh		X		960	UBND xã
	Tổng cộng	37	21	1	65.000	